TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 9 – 2024
Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Từ Văn K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh K, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Từ Văn K trình bày: Anh và chị Bùi Thị M tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo giấy chứng nhận kết hôn số 139,

ngày 16/9/2013. Trong cuộc sống, vợ chồng anh xảy nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Anh và chị M đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh và chị M có liên lạc nhưng không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Bùi Thị M. Anh và chị M có hai người con chung tên Từ Tiểu Q, sinh ngày 17/10/2010 và cháu Từ Văn Nhật A, sinh ngày 01/11/2014. Hiện cháu Q và cháu A đang sống với anh từ khi ly thân đến nay. Anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu Từ Tiểu Q và Từ Văn Nhật A, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho anh Từ Văn K ly hôn với chị Bùi Thị M. Về con chung: Giao cháu Từ Tiểu Q, sinh ngày 17/10/2010 và cháu Từ Văn Nhật A, sinh ngày 01/11/2014 cho anh Từ Văn K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, anh K phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Từ Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị M. Khi khởi kiện, chị M trú tại ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh K và chị M.

[3] Về hôn nhân: Anh K và chị M xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 16/9/2013 nên hôn nhân giữa anh K và chị M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo anh K xác định trong quá trình chung sống anh và chị M xảy nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh và chị M đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh K và chị M có liên lạc nhưng cũng không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị M không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, như vậy chị M đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa anh K và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, cho anh K được ly hôn với chị M.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh K và chị M có hai người con chung tên Từ Tiểu Q, sinh ngày 17/10/2010 và cháu Từ Văn Nhật A, sinh ngày 01/11/2014, hiện đang sống chung với anh K. Anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục hai cháu Từ Tiểu Q và cháu Từ Văn Nhật A, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M đã được Tòa án thông báo ý kiến của anh K nhưng chị M không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với anh K. Xét thấy, từ khi anh K và chị M ly thân, anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Từ Tiểu Q và cháu Từ Văn Nhật A và chăm sóc tốt cho hai cháu, tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Ngoài ra, theo biên bản ngày 04/7/2024, cháu Từ Tiểu Q và cháu Từ Văn Nhật A đều có nguyện vọng sống với anh K. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho anh Từ Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Từ Tiểu Q và cháu Từ Văn Nhật A. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Bùi Thị M không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Từ Văn K đối với chị Bùi Thị M. Cho anh Từ Văn K ly hôn với chị Bùi Thị M.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Từ Tiểu Q, sinh ngày 17/10/2010 và cháu Từ Văn Nhật A, sinh ngày 01/11/2014 cho anh Từ Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Từ Tiểu Q và cháu Từ Văn Nhật A đang sống với anh Từ Văn K. Chị Bùi Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Từ Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Từ Văn K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006917 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Chị Bùi Thị M không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;

- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã Hưng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào